

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Đà Nẵng năm 2023”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Đà Nẵng năm 2023” của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc tại Văn bản số 2293/TCTBĐATHHMB-BĐATHH ngày 29 tháng 7 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Đà Nẵng năm 2023” (sau đây gọi là Dự án) của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Thứ trưởng Lê Minh Ngân;
- UBND TP. Đà Nẵng;
- Sở TN&MT TP. Đà Nẵng;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Lưu: VT, VPMC, MT, VHA1.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “CÔNG TRÌNH NẠO VẾT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI ĐÀ NẴNG NĂM 2023”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Đà Nẵng năm 2023.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Chủ dự án: Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc.
- Địa chỉ liên hệ: Số 01, lô 11A đường Lê Hồng Phong, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.2.1. Phạm vi khu vực nạo vét:

- Khu vực luồng hàng hải Đà Nẵng được nạo vét có tổng chiều dài 9,7 km, bao gồm:
 - (1) Đoạn luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” (vị trí tâm vùng đón trả hoa tiêu khu vực vịnh Đà Nẵng) đến hết vũng quay tàu Cầu cảng số 3 – Bến cảng Tiên Sa có chiều dài 6,8 km.
 - (2) Đoạn luồng vào khu bến cảng Thọ Quang có chiều dài 2,9 km.
- Các điểm khống chế khu vực nạo vét của Dự án như tại Bảng 1:

Bảng 1. Tọa độ khống chế khu vực nạo vét

TT	Điểm giới hạn khu vực nạo vét	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	NV1	1782998,6	548539,3
2	NV2	1783201,4	548776,1
3	NV3	1782993,3	549031,9
4	NV4	1782952,1	549210,7
5	NV5	1782906,9	549253,5
6	NV6	1782929,9	549284,5
7	NV7	1782724,0	549481,5
8	NV8	1782744,8	549524,9
9	NV9	1782700,8	549594,0
10	NV10	1782550,5	549728,0
11	NV11	1782416,9	549830,6

TT	Điểm giới hạn khu vực nạo vét	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
12	NV12	1782378,1	549978,4
13	NV13	1782353,4	550145,5
14	NV14	1782448,9	550981,1
15	NV15	1782292,6	551241,3
16	NV16	1782013,9	551694,3
17	NV17	1781945,9	551968,8
18	NV18	1781429,2	552288,9
19	NV19	1781336,0	552177,9
20	NV20	1781812,0	551665,8
21	NV21	1782132,2	551128,4
22	NV22	1782168,0	550700,6
23	NV23	1782128,6	550089,1
24	NV24	1782216,0	549609,0
25	NV25	1782398,8	549205,3

1.2.2. Phạm vi khu vực nhận chìm chất nạo vét:

- Khu vực nhận chìm chất nạo vét của dự án có diện tích khoảng 100 ha, nằm ngoài vùng biển 6 hải lý, cách phao số 0 luồng hàng hải Đà Nẵng khoảng 21 km về phía Đông Bắc, độ sâu khoảng 53,6m ÷ 58,1m (Hệ cao độ Quốc Gia); vị trí nhận chìm đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chấp thuận tại Văn bản số 1201/UBND-STNMT ngày 07 tháng 3 năm 2022.

- Tọa độ không chế khu vực nhận chìm của Dự án như tại Bảng 2:

Bảng 2. Tọa độ không chế khu vực nhận chìm

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
P1	1797225,88	565204,77
P2	1798069,23	564682,31
P3	1798634,33	565505,25
P4	1797795,52	566039,43

1.2.3. Quy mô, công suất của Dự án:

- Tổng chiều dài tuyến luồng hàng hải Đà Nẵng được nạo vét là 9,7 km với tổng khối lượng nạo vét theo tính toán là khoảng 250.000 m³ (toàn bộ vật, chất nạo vét sẽ được nhận chìm ở biên). Các thông số nạo vét tương ứng với từng đoạn luồng cụ thể như sau:

(1) Đoạn luồng từ phao báo hiệu hàng hải số “0” (vị trí tâm vùng đón trả hoa tiêu khu vực vịnh Đà Nẵng) đến hết vũng quay tàu Cầu cảng số 3 - Bến cảng Tiên Sa: Chiều dài đoạn luồng L = 6,8 km; chiều rộng đáy luồng B = 110 m; cao độ đáy

luồng H = -11,0 m ÷ -10,3 m (Hệ Hải đồ); bán kính cong nhỏ nhất R = 355 m; mái dốc nạo vét m = 10.

(2) Vũng quay tàu số 01 (phía trước cầu 1, 2 – Cảng Tiên Sa): 2/3 đường tròn đường kính D = 388 m; Vũng quay tàu số 02 (phía trước cầu 3 – cảng Tiên Sa): Đường kính D = 300 m; cao độ đáy của cả 02 vũng quay tàu H = -11,0 m (Hệ Hải đồ);

(3) Đoạn luồng vào khu bến cảng Thọ Quang có chiều dài 2,9 km, bao gồm:

+ Đoạn luồng từ vũng quay tàu Cầu cảng số 3 - Bến cảng Tiên Sa đến vũng quay tàu Bến cảng Sơn Trà: Chiều rộng đáy luồng B = 85 m; cao độ đáy luồng H = -8,1 m (Hệ Hải đồ); bán kính cong R = 800 m; mái dốc nạo vét m = 10;

+ Đoạn từ vũng quay tàu Bến cảng Sơn Trà đến Nhà máy đóng tàu sông Thu: Chiều rộng đáy luồng B = 65 m; cao độ đáy luồng H = -5,6 m (Hệ Hải đồ); bán kính cong R = 800 m; mái dốc nạo vét m = 10;

+ Vũng quay tàu số 03 (phía trước cầu cảng số 1 – bến cảng Sơn Trà): Đường kính D = 210 m; cao độ đáy H = -8,1 m (Hệ Hải đồ); mái dốc nạo vét m = 10.

1.3. Công nghệ thi công nạo vét và nhận chìm:

- Sử dụng phương tiện thi công nạo vét, vận chuyển và nhận chìm gồm tàu hút bùn, máy đào gàu dây, sà lan và các thiết bị hỗ trợ thi công. Toàn bộ lượng vật, chất nạo vét được vận chuyển bằng các sà lan và các tàu hút bùn đến vị trí được phép nhận chìm ngoài biển. Khi di chuyển đến vị trí nhận chìm, tàu hút bùn và sà lan mở đáy để nhận chìm vật, chất nạo vét xuống biển.

- Phương tiện chính sử dụng bao gồm:

- + 02 tàu hút tự hành công suất lớn nhất 6.000 CV;
- + 04 máy đào gàu dây (dung tích gàu chứa 2,3 m³);
- + 12 sà lan xả đáy phục vụ vận chuyển vật, chất nạo vét công suất lớn nhất 2.400 CV;
- + 03 tàu kéo công suất lớn nhất 3.000 CV;
- + 02 ca nô công suất lớn nhất 125 CV.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.
- Hoạt động nạo vét trên tại các khu vực của Dự án.
- Hoạt động vận chuyển vật, chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực nhận chìm.
- Hoạt động nhận chìm vật, chất nạo vét.

- Dự án không có hạng mục công trình phụ trợ; không thiết lập âu chứa vật chất nạo vét; không bố trí bãi chứa tạm thời vật chất nạo vét và không bố trí lán trại tạm.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động nạo vét, nhận chìm vật chất nạo vét ở biển làm gia tăng độ đục và lan truyền TSS, tác động tới chất lượng nước biển, tác động tiêu cực tới các hệ sinh thái biển.

- Hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của nước thải:

- Giai đoạn chuẩn bị:

Giai đoạn chuẩn bị lắp, hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công không phát sinh nước thải.

- Giai đoạn thi công:

Nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 10,24 m³/ngày.đêm phát sinh từ hoạt động sinh hoạt công nhân trên mỗi phương tiện. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, BOD₅, COD, Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Tổng Coliforms.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn chuẩn bị:

Hoạt động tập kết các phương tiện thi công phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Giai đoạn thi công:

Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo đi nhận chìm phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH):

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTR sinh hoạt:

- Giai đoạn chuẩn bị: Không phát sinh CTR.

- Giai đoạn thi công:

CTR sinh hoạt phát sinh khối lượng khoảng 64 kg/ngày, bao gồm bọc nilon, bao bì, thức ăn thừa, gốc rau, vỏ bao bì thức ăn, ...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH:

- Giai đoạn chuẩn bị: Không phát sinh CTNH.
- Giai đoạn thi công:

CTNH phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị, thay dầu cho các thiết bị thi công. Thành phần CTNH gồm: Dầu mỡ thải và giẻ lau dính dầu trong quá trình thay dầu máy với khối lượng phát sinh khoảng 119,6 kg giẻ lau dính dầu và 1.380 lít dầu thải trong toàn bộ thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn:

- Giai đoạn chuẩn bị:

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động tập kết, vận hành thủ phương tiện, thiết bị thi công.

- Giai đoạn thi công:

Tiếng ồn từ quá trình nạo vét, vận chuyển, nhận chìm của các phương tiện, thiết bị tham gia thi công.

3.4. Các tác động khác:

- Suy giảm chất lượng nước, gia tăng độ đục cục bộ tại các vị trí nạo vét của tuyến luồng và khu vực nhận chìm, tác động tới đời sống của các sinh vật trong khu vực.

- Rủi ro xói lở, bồi lắng đường bờ tại các khu vực gần các vị trí nạo vét.

- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu, tai nạn giao thông thủy, chìm tàu thuyền, thiết bị,... và từ việc vận hành các phương tiện tham gia thi công, thay dầu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Trong 02 giai đoạn của Dự án, các hạng mục thu gom nước thải sinh hoạt bao gồm: Các nhà vệ sinh, kết cấu được trang bị trên phương tiện thi công để chứa nước thải sinh hoạt (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện). Định kỳ, các phương tiện thi công sẽ cập bờ, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 tuần/lần.

- Hạn chế nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển vật, chất nạo vét: Thường xuyên kiểm tra các đường ống hút bùn, cát, đề phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi bùn cát; các tàu hút, tàu xả đáy không được chứa quá đầy vật, chất nạo vét (không quá 80% thể tích khoang) để tránh nước ô nhiễm rò rỉ vào tuyến luồng, làm đục nguồn nước.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải:

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị

trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị cho công nhân các thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay và các thiết bị an toàn cá nhân khác).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường:

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy, dung tích 60L, màu xanh trên mỗi phương tiện tham gia thi công. Quy định công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ CTR sinh hoạt vào thùng chứa CTR trên phương tiện, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời CTR sinh hoạt trên phương tiện trong thời gian thi công; định kỳ 02 - 03 ngày/lần thực hiện chuyển giao cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý CTR thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý CTNH:

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng dung tích 60L, có nắp đậy, màu vàng, dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời CTNH trên phương tiện thi công; thực hiện chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý theo quy định khi các phương tiện thi công cập bờ.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Phân định, phân loại, thu gom, xử lý CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Sử dụng các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Thi công theo từng khu vực; không thi công vào ban đêm từ 18 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án như đã đề xuất trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Phương án giảm thiểu tác động khác và phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường:

4.4.1. Giảm thiểu sự lan truyền vật, chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước biển:

- Sử dụng máy đào gàu dây có đáy gàu kín để tránh thất thoát bùn cát làm tăng độ đục, đồng thời chỉ sử dụng tàu đào gàu dây để sửa chữa những sót lỗi, các vị trí có độ sâu nhỏ mà thiết bị tàu hút lớn không thi công được. Chỉ thi công nạo vét vào ban ngày và sẽ dừng thi công vào ngày có mưa gió lớn.

- Các phương tiện vận chuyển vật, chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, tải trọng của các phương tiện bằng 80% tải trọng cho phép để hạn chế tình trạng rơi vãi vật, chất nạo vét.

- Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ.

- Trong quá trình vận chuyển không để vật, chất nạo vét rơi vãi xuống biển, không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm. Trên các tàu, sà lan vận chuyển có lắp đặt thiết bị AIS (thiết bị tự động nhận dạng), camera và máy ảnh để giám sát trực tiếp hành trình vận chuyển và định vị chính xác vị trí nhận chìm, đảm bảo kiểm soát việc nhận chìm đúng vị trí. Giám sát liên tục đối với từng chuyến tàu nhận chìm vật, chất nạo vét. Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng giám sát hành trình tàu nhận chìm thông qua thiết bị tự động nhận dạng.

- Tiến hành kiểm tra độ sâu khu vực nạo vét, thu dọn công trường, di chuyển các thiết bị thi công nạo vét, các phao tín hiệu, biển báo tạm, các chướng ngại vật (nếu có) phát sinh trong quá trình thi công.

- Chỉ thực hiện nhận chìm vào thời điểm có điều kiện thời tiết phù hợp, không tiến hành vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét vào những ngày biển động và có mưa bão lớn.

- Thực hiện quá trình nhận chìm ở biển theo đúng vị trí quy định. Nhằm đảm bảo lớp vật liệu được trải đều trên toàn bộ diện tích được cấp phép, tiến hành nhận chìm lần lượt theo các ô lưới tại khu vực nhận chìm (100 ha) và thực hiện đo đạc địa hình đáy biển sau khi kết thúc hoạt động nhận chìm.

- Khi xả vật, chất nạo vét xuống khu vực biển phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng. Khi xả đáy nhận chìm vật, chất nạo vét sẽ xả theo từng lớp, tránh hiện tượng tạo địa hình lồi lõm cho đáy biển. Sau khi hoàn thành, Chủ dự án thực hiện khảo sát lại độ sâu khu vực nhận chìm và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm chỉnh việc nhận chìm ở biển theo đúng quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo năm 2015 và các quy định khác có liên quan; khảo sát độ sâu đáy biển sau khi nhận chìm và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng theo quy định. Áp dụng biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, nhận chìm, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá vật, chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm vật, chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam.

4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ dầu vào môi trường nước biển:

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu: Giẻ lau, thùng chứa... để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống biển.

- Không dùng nước để dội rửa phương tiện nạo vét, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ, sau đó thu gom giẻ dính dầu mỡ vào thùng đựng CTNH.

- Vào những tháng mưa, Chủ dự án thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) và ứng phó sự cố tràn dầu; Thường xuyên tập huấn cho công nhân về PCCC và ứng phó sự cố tràn dầu.

- Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu; bố trí gờ vây gom dầu cho kết chứa, máy, thiết bị, khu vực thay dầu bảo dưỡng,...có sử dụng/phát sinh dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thực hiện đúng các quy định của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

4.4.3. Phòng ngừa ứng phó sự cố bồi lắng, xói lở đường bờ:

- Tổ chức thi công theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định. Nạo vét đúng cao độ, độ dốc, chiều rộng khu vực nạo vét

theo thiết kế đã được phê duyệt bởi cơ quan có thẩm quyền. Quản lý giám sát chặt chẽ phạm vi nạo vét, khống chế độ sâu khai thác bằng máy đo độ sâu cầm tay.

- Tuân thủ thực hiện nạo vét cũng như kiểm tra, giám sát đúng theo thiết kế công trình được duyệt; đảm bảo an toàn đường bờ và khu vực nạo vét không vượt biên luồng, cao độ, mái dốc, khối lượng nạo vét.... Thực hiện theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ đặc biệt tại các vị trí chưa được kè trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp đang thi công mà có hiện tượng xói, lở đường bờ tại khu vực thi công, phải tạm dừng hoạt động nạo vét, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới bờ, báo cáo cơ quan chức năng và các bên liên quan xem xét, quyết định phương án xử lý, khắc phục sự cố; trong trường hợp cần thiết, điều chỉnh phương án và các thông số nạo vét phù hợp để đảm bảo giảm thiểu tác động tới đường bờ, cảnh quan và môi trường.

- Không nạo vét, vận chuyển vật, chất nạo vét vào ban đêm; không nạo vét tại các khu vực có dấu hiệu bị sạt lở, khu vực bờ không ổn định, có nguy cơ sạt lở theo hướng dẫn của địa phương.

4.4.4. Giảm thiểu rủi ro dẫn tới các sự cố môi trường khác:

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông thủy: Thực hiện cắm phao báo hiệu khu vực thi công, nhận chìm; phân luồng tuyến đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền ra vào tuyến luồng và các bến cảng trong khu vực. Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông trong điều tiết phương tiện thi công, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng trong hoạt động điều tiết giao thông; tuân thủ quy tắc báo hiệu Hàng hải Việt Nam, quy tắc báo hiệu Đường thủy nội địa theo quy định.

- Không gây mất an toàn cho các phương tiện thủy trong khu vực và thông báo cho các cơ quan liên quan khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra để có kế hoạch ứng phó, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện liên quan đến việc nạo vét và vận chuyển vật, chất nạo vét được bố trí đèn tín hiệu khi neo và khi di chuyển trên hành trình đến vị trí nhận chìm ở biển để không gây cản trở các phương tiện lưu thông trên luồng hàng hải ra vào cảng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát CTR và CTNH:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Thông số giám sát: Giám sát tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh; lịch thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; số

lượng, chất lượng của các thùng gom rác, thùng chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Giám sát thường xuyên trong suốt thời gian thi công.

5.2. Giám sát chất lượng trầm tích:

- Vị trí: 02 vị trí tại tuyến luồng nạo vét.
- Tần suất: Thực hiện lấy mẫu 01 lần khi bắt đầu thi công.
- Số lượng: 01 mẫu/vị trí/lần quan trắc.
- Thông số giám sát: Asen (As), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Kẽm (Zn), Thủy ngân (Hg), Tổng Crôm (Cr), Đồng (Cu), Tổng Polyclobiphenyl (PCB), Thuốc trừ sâu (DDD, DDE, DDT, Dieldrin, Chlordane, Lindan, Endrin, Heptachlor epoxide), Các hợp chất Hydrocacbon thơm đa vòng – PAH (Acenaphthen, Acenaphthylen, Athracen, Benzo[a] anthracen, Benzo[e] pyren, Chryren, Dibenzo[a,h]anthracen, Fluroanthen, Fluoren, 2-Methyl naphthalen, Naphthalen, Phenanthren, Pyren), Dioxin và Furan, Tổng dầu mỡ, Tổng Hydrocacbon, Phóng xạ (tổng hoạt độ phóng xạ alpha và beta).

- Quy chuẩn áp dụng: So sánh với QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích và thực hiện theo Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam.

5.3. Giám sát ảnh hưởng của hoạt động nạo vét tới chất lượng nước biển ven bờ:

- Vị trí: 06 vị trí như Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Tọa độ vị trí giám sát chất lượng nước biển khu vực nạo vét

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°		Mô tả
		X(m)	Y(m)	
1	NB1	1783527,7	549540,15	Khu vực gần bãi tắm Tiên Sa
2	NB2	1783309,9	548352,19	Khu vực trên tuyến luồng nạo vét, gần khu vực nạo vét
3	NB3	1781901,0	550583,79	Vị trí cách khu vực nạo vét 1 km về phía Đông Nam
4	NB4	1781400,9	546840,98	Vị trí cách cảng Tiên Sa khoảng 1,5 km về hướng Tây Nam
5	NB5	1780178,7	550112,29	Khu vực gần cầu Thuận Phước
6	NB6	1781351,5	552219,33	Khu vực đầu luồng, cạnh nhà máy đóng tàu Sông Thu

- Số lượng: 02 mẫu/vị trí/lần quan trắc (buổi sáng, buổi chiều).
- Thông số giám sát:
- + Các thông số: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), DO, Dầu mỡ khoáng.

+ Các thông số: As, Cd, Pb, Hg, Cu, Zn, Cr⁶⁺ trong trường hợp kết quả phân tích mẫu trầm tích có các thông số này.

- Tần suất: 01 tuần/lần trong quá trình thi công.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (các thông số tại Bảng 1 và Bảng 2).

5.4. Giám sát ảnh hưởng do quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển:

- Vị trí: 06 vị trí như Bảng 4 dưới đây:

TT	Ký hiệu	Hệ tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°		Mô tả
		X(m)	Y(m)	
1	GB1	1792799,44	557686,36	Cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 10 km về phía Tây Tây Nam
2	GB2	1785569,1	566083,32	Cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 9 km về phía Nam Tây Nam, hướng về khu vực bãi Bắc
3	GB3	1798607,64	544013,26	Khu vực biển Lăng Cô, cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 20 km về phía Tây Bắc
4	GB4	1772879,59	567756,3	Khu vực vùng biển Hội An, cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 16 km về phía Đông Nam
5	VB1	1783255,59	563297,32	Khu vực phía Bắc Bãi Bắc, cách tâm khu vực nhận chìm khoảng 13 km
6	VB2	1793949,8	550555,99	Khu vực phía Nam hòn Sơn Chà, cách khu vực nhận chìm khoảng 16 km

- Tại mỗi điểm quan trắc, giám sát thực hiện lấy mẫu tại 2 tầng nước: Tầng mặt và tầng đáy.

- Thông số quan trắc:

+ Các thông số: pH, DO, TSS, Dầu mỡ khoáng (chỉ lấy ở tầng mặt).

+ Các thông số: As, Cd, Pb, Hg, Cu, Zn, CN⁻, Tổng Chromi, Aldrin, Dieldrin, Heptachlor & Heptachlorepoxyde, Tổng DDT, Tổng phenol trong trường hợp kết quả phân tích mẫu trầm tích có các thông số này.

- Tần suất quan trắc: 01 tuần/lần. Thời gian thực hiện: Từ trước khi bắt đầu nhận chìm 01 tuần, trong quá trình thực hiện nhận chìm và 01 tuần sau khi kết thúc hoạt động nhận chìm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 10:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (các thông số tại Bảng 3).

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

6.1. Trong quá trình thi công nạo vét:

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường kèm theo như sau:

- Thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định hiện hành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích, cao độ nạo vét đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới toàn thể công nhân viên tham gia thực hiện Dự án.

- Thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho Dự án theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải trình Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng phê duyệt trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và phối hợp với cơ quan chức năng thông báo đến các chủ phương tiện vận tải thủy sử dụng tuyến luồng trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án. Thực hiện đúng các quy định của Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường, hoạt động vận chuyển hàng hóa ra vào các bến cảng và các hoạt động kinh tế dân sinh, thương mại khác (nếu có) trong khu vực Dự án trong quá trình thi công nạo vét và nhận chìm.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Chủ dự án và các tổ chức liên quan đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, kết quả tính toán, dự báo của mô hình lan truyền, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.2. Trong quá trình hoạt động nhận chìm ở biển:

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường khi tiến hành hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển như sau:

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường của hoạt động nhận chìm, đảm bảo hoạt động nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt, nước biển khu vực nạo vét, nhận chìm của Dự án và lân cận.
- Sử dụng phương tiện và thiết bị nhận chìm phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ, đảm bảo vật, chất nhận chìm ở biển không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực. Trong quá trình nạo vét, nhận chìm vật chất nạo vét nếu phát hiện thấy những dấu hiệu ô nhiễm bất thường thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo kịp thời về các cơ quan quản lý chức năng để xem xét, giải quyết
- Các phương tiện thực hiện việc nhận chìm phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi và hỗ trợ giám sát hoạt động vận chuyển, nhận chìm vật, chất nạo vét theo quy định.
- Xây dựng kế hoạch quan trắc, giám sát chặt chẽ quá trình nhận chìm, chất lượng nước biển khu vực nhận chìm và lân cận, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong hồ sơ cấp phép nhận chìm và giao khu vực biển, đảm bảo nguyên tắc sau: Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với từng phương tiện tham gia nhận chìm vật, chất nạo vét của nhà thầu; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và nhận chìm vật, chất nạo vét./.